

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2021/HS-ST

Ngày: 26/10/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Như Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2021/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2021/HSST-QĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/HSST-QĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/HSST-QĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 93/2021/HSST-QĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2021/HSST-QĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2021/HSST-QĐ ngày 29 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: Cu), sinh năm 1972 tại: Thành phố C; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: 45/7 ấp 4, xã A, huyện B, Thành phố C; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn R (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); Anh chị em ruột: có 08 người kể cả bị cáo; Bị cáo có vợ là Hồ Thị Th, sinh năm 1968 và 01 con, sinh năm 1992; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2020 đến ngày 25/3/2021 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phạm Minh Đ1 (tên gọi khác: Bèo), sinh năm 1981 tại: Thành phố C; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: 58/1 ấp 4, xã A, huyện B, Thành phố C; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T (chết) và bà Hồ Thị A; Anh chị em ruột: có 09 người kể cả bị cáo; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1985 và 01 con, sinh năm 2002; Tiền án: Không; Tiền sự:

không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2020 đến ngày 25/3/2021 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt;

3. Họ và tên: Nguyễn Duy T, sinh năm 1989 tại: tỉnh G; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: Ấp D, xã E, huyện F, tỉnh G; Nơi cư trú: 36/3 ấp 1, xã A, huyện B, Thành phố C; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; Anh chị em ruột: có 02 người kể cả bị cáo; Bị cáo có vợ là Nguyễn Tuyết N, sinh năm 1992 và 01 con, sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2020 đến ngày 19/01/2021 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Võ Tấn T (tên gọi khác: Mót), sinh năm 1991 tại: Thành phố C; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: 137/1D ấp 5, xã A, huyện B, Thành phố C; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn H, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; Anh chị em ruột: có 03 người kể cả bị cáo; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 22/12/2020 đến ngày 30/12/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Lê Văn P, sinh năm 1976 tại: Thành phố C; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: 68/5 ấp 4, xã A, huyện B, Thành phố C; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N (chết) và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1931; Anh chị em ruột: có 14 người kể cả bị cáo; Bị cáo có vợ là Trương Thị Ngọc B, sinh năm 1977 và 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 27/3/1999, bị Tòa án nhân dân Quận 12 tuyên phạt 01 năm tù cho hưởng treo về tội “buôn bán hàng cấm”; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2020 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Phan Quốc Th, sinh năm 1987 tại: Thành phố C; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: 86 Khu phố 1, thị trấn H, huyện B, Thành phố C; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn T (chết) và bà Mai Thị B, sinh năm 1960; Anh chị em ruột: có 04 người kể cả bị cáo; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hạnh D, sinh năm 1992 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2020 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Trịnh Hữu N (tên gọi khác: Bé Tư), sinh năm 1991 tại: Thành phố C; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: 27/10 ấp 4, xã I, huyện B, Thành phố C; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Công T, sinh năm 1954

và bà Trần Thị H , sinh năm 1962; Anh chị em ruột: có 03 người kể cả bị cáo; Bị cáo có vợ là Lương Ngô Nguyễn Thị Kim N , sinh năm 1993 và 01 con, sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/01/2021 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh T , sinh năm: 1983 (vắng mặt).
Địa chỉ: 73/2B ấp J, xã K, huyện B, Thành phố C.
- Ông Hồ Thanh P, sinh năm: 2000 (vắng mặt).
Địa chỉ: 64/12B ấp 4, xã A, huyện B, Thành phố C.
- Ông Phạm Đ T, sinh năm: 1976 (vắng mặt).
Địa chỉ: 56/3 ấp 7, xã A, huyện B, Thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 23/10/2020 tại khu đất trống thuộc ấp 4, xã A, huyện Hóc Môn, Nguyễn Văn Đ và Phạm Minh Đ đã tổ chức đánh bạc bằng hình thức đá gà ăn tiền để thu tiền xâu. Cả hai chuẩn bị sẵn băng keo để băng cựa gà, tẩm chân bằng nhựa để ngăn gà lúc đá, 01 cái cân hiệu Nhơn Hòa loại 05kg để cân gà.

Lúc này, Trịnh Hữu N đem con gà Điều nặng 3,1kg đến và nói với Đ muốn cấp độ đá gà ăn tiền với số tiền 5.000.000 đồng mỗi bên. Đ đồng ý và gọi điện thoại cho Nguyễn Duy T , hỏi T có con gà nào nặng 3,1kg thì đem đến để cấp độ đá gà ăn tiền. T đồng ý, sau đó cùng với Nguyễn Thanh S , B (chưa xác định lai lịch) đem con gà Que đen đến.

Hai bên thỏa thuận số tiền đá độ số là 5.000.000 đồng, đá ăn đều, không chấp tỷ lệ. Bên nhóm gà của T , T góp số tiền 3.000.000 đồng, một đối tượng khác góp 2.000.000 đồng. Nhóm gà Điều: N góp 2.000.000 đồng, 03 đối tượng chưa xác định lai lịch góp số tiền 3.000.000 đồng.

Đ1 đưa băng keo cho cho hai nhóm gà tự băng cựa bằng sắt cho gà của mình. T nhờ S ôm gà để T băng cựa, N ôm gà rồi nhờ đối tượng không rõ lai lịch băng cựa giúp. Đ làm trọng tài, hai bên thả gà ra đá, kết quả gà bên nhóm N thắng nhưng chưa nhận tiền.

Ngoài ra, có các đối tượng tham gia đá hàng sáo vòng ngoài, trong đó xác định được Phan Quốc T và Lê Văn P cá cược với nhau, số tiền cá cược của mỗi bên là 3.000.000 đồng. Th đặt cược con gà Điều, P đặt cược con gà Que. Kết quả, P thắng cược số tiền 3.000.000 đồng. Th còn khai nhận cá cược hàng sáo với 02 đối tượng khác (không xác định lai lịch) với số tiền cá cược là 7.000.000 đồng. Tổng cộng T thắng số tiền 10.000.000 đồng.

Sau khi kết thúc độ gà thứ nhất, T và Võ Tấn T cấp độ với nhau đá gà khoảng 2,7kg, cả hai cùng đi về nhà lấy gà. T lấy 01 con gà điều mòng dậu, T

lấy con gà mòng cắt đến trường gà. Hai bên thống nhất đá độ với số tiền mỗi bên 10.000.000 đồng, đá đồng đều, không chấp tỷ lệ. Đ1 tiếp tục đưa băng keo cho hai bên tự băng cựa bằng sắt, Đ làm trọng tài. T nhờ Hồ Thanh P ôm gà để T băng cựa, khi hai bên đang ôm gà, chuẩn bị thả ra đá thì bị Công an huyện Hóc Môn bắt quả tang vào lúc 15 giờ 00 phút cùng ngày.

Nguyễn Văn Đ, Phạm Minh Đ1 khai nhận cùng với Lý Quốc Anh (thường gọi là Quỳ, sinh năm 1968, HKTT: 113/1 ấp 4, xã A, huyện Hóc Môn) tổ chức đá gà ăn tiền tại khu đất trống, ấp 4, xã A từ đầu tháng 10/2020. Trung bình mỗi ngày tổ chức từ 1 đến 2 trận đá gà, tiền xâu 5% trên số tiền cá cược của bên thắng, tiền xâu thu được chia đều cho Đ, Đ1 và Quốc Anh. Đ đã thu lợi bất chính từ việc tổ chức đá gà là 2.450.000 đồng, Đ1 thu lợi bất chính số tiền 1.200.000 đồng. Riêng ngày 23/10/2020, Quốc Anh không tham gia, Đ1 và Đ chưa thu được tiền xâu do các bên chưa trả tiền cho nhau.

Đối với cánh gà Que trong độ gà thứ nhất, Nguyễn Duy T khai nhận trong độ gà này T góp 3.000.000 đồng, một đối tượng không rõ lai lịch góp số tiền 2.000.000 đồng. Ngoài ra, T có nghe khi chuẩn bị thả gà ra đá thì B cấp độ với những người bên ngoài số tiền lên đến 100.000.000 đồng nhưng không biết cấp độ với ai, số tiền cụ thể là bao nhiêu. Khi bị bắt quả tang, Nguyễn Ngọc S và B đã chạy thoát. Do chỉ có lời khai của T về số tiền B cấp độ, ngoài ra không có chứng cứ gì nên chưa có cơ sở xử lý B về hành vi đánh bạc với số tiền 100.000.000 đồng này. Đối với Nguyễn Ngọc S sau đó có đến cơ quan điều tra khai chỉ ôm gà cho T chở đến trường gà và ôm gà cho T băng cựa, không biết và không tham gia cá độ bằng tiền.

Quá trình điều tra, xác định được tại độ đá gà thứ nhất có: Nguyễn Thanh Tùng tham gia cá độ đá hàng sáo với người chưa xác định lai lịch số tiền 500.000 đồng, kết quả Tùng thắng cược số tiền 500.000 đồng; Lương Văn Tiễn tham gia đá hàng sáo với một người không rõ lai lịch, kết quả bị thua số tiền 500.000 đồng; Phạm Đ Trung đá giàn sáo và bị thua số tiền 500.000 đồng cho người chưa xác định lai lịch.

Tại độ gà thứ hai có: Nguyễn Thanh Phong, Lương Văn Lẹ, Huỳnh Tấn Phong, Lê Văn Tới đến trường gà để tham gia cá độ đá hàng sáo nhưng chưa kịp cá cược thì bị bắt quả tang. Riêng Hồ Thanh P đến trường gà để xem đá gà thì Võ Tấn T nhờ P chở về nhà lấy gà và nhờ ôm gà cho T băng cựa sắt, P không biết T đá gà ăn tiền.

Vật chứng thu giữ:

- 01 con gà điều mòng cắt nặng 2,7kg thu giữ của Võ Tấn T, 01 con gà Que nặng 3,1kg của Nguyễn Duy T, Cơ quan điều tra đã phối hợp với Công an xã A và các ban ngành tiêu hủy;

- 01 cái cân đồng hồ hiệu Nhơn Hòa màu xanh loại 5kg;

- 01 cặp cựa sắt dài khoảng 7cm thu giữ của Nguyễn Văn Đ, 01 cặp cựa sắt dài 5cm của Võ Tấn T; 02 cặp cựa sắt dài khoảng 6cm thu giữ của Nguyễn Duy T;

- 01 tấm nhựa trong suốt hình chữ nhật có kích thước (54x70)cm;

- 06 điện thoại di động các loại gồm:

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen thu giữ của Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia E5 màu trắng của Phạm Minh Đ1 (dùng vào việc liên hệ cấp độ đá gà);

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu hồng của Lê Văn Phú; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của Phan Quốc Th; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu xám của Hồ Thanh P; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh của Phạm Đ Trung (không dùng vào việc phạm tội);

- Số tiền 16.540.000 đồng trong đó thu giữ của Nguyễn Văn Đ 2.450.000 đồng, thu giữ của Phạm Minh Đ1 1.200.000 đồng là tiền xâu được chia từ việc tổ chức đá gà trước đó; thu giữ của Nguyễn Duy T 11.000.000 đồng trong đó có 9.000.000 đồng của T dùng vào việc đá gà và 2.000.000 đồng của một đối tượng không rõ lai lịch đưa cho T nhưng chưa trả cho bên thắng độ; thu giữ 1.000.000 đồng của Nguyễn Thanh Tùng dùng vào việc đá gà; thu giữ 890.000 đồng của Phạm Đ Trung dùng vào việc đá gà;

- Ngoài ra, còn thu giữ số tiền 5.920.000 đồng của Phạm Minh Đ1; thu giữ số tiền 1.820.000 đồng của Lê Văn P; thu giữ số tiền 1.830.000 đồng của Hồ Thanh P. Đây là tiền cá nhân không dùng vào việc đá gà;

- Cơ quan điều tra còn thu giữ số tiền 10.000.000 đồng của Võ Tấn Tài giao nộp khi đến đầu thú;

Đối với số tiền 2.000.000 đồng của Trịnh Hữu N dùng để cá cược, N đã tiêu xài hết.

Tại trường gà, Cơ quan điều tra thu giữ của Nguyễn Thanh phong 5.500.000 đồng, thu giữ của Lương Văn Lệ số tiền 500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6; thu giữ của Lê Văn Tới số tiền 1.700.000 đồng; thu giữ của Huỳnh Tấn Phong 01 điện thoại di động hiệu Nokia, kết quả điều tra các đối tượng này không tham gia đá gà ăn tiền, nên đã chuyển các đồ vật thu giữ và đối tượng sang xử lý hành chính.

Tại bản cáo trạng số 66/CT-VKS-HS ngày 16/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Minh Đ1 về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017; truy tố các bị cáo Nguyễn Duy T, Võ Tấn T, Lê Văn P, Phan Quốc Th, Trịnh Hữu N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

1/ Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng

2/ Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Minh Đ1 từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng

3/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

4/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Tấn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

5/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

6/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Quốc Th từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

7/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Hữu N từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

*Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 cặp cựa sắt dài khoảng 7cm thu giữ của Nguyễn Văn Đ, 01 cặp cựa sắt dài 5cm của Võ Tấn T; 02 cặp cựa sắt dài khoảng 6cm thu giữ của Nguyễn Duy T;

+ 01 tấm nhựa trong suốt hình chữ nhật có kích thước (54 x 70)cm;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 cái cân đồng hồ hiệu Nhơn Hòa màu xanh loại 5kg; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen thu giữ của Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia E5 màu trắng của Phạm Minh Đ1 do dùng vào việc liên hệ cấp độ đá gà;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 16.540.000 đồng bao gồm: 2.450.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn Đ và 1.200.000 đồng thu giữ của Phạm Minh Đ1 là tiền xâu được chia từ việc tổ chức đá gà trước đó; 11.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Duy T trong đó có 9.000.000 đồng của T dùng vào việc đá gà và 2.000.000 đồng của một đối tượng không rõ lai lịch đưa cho T nhưng chưa trả cho bên thắng độ; 1.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thanh Tùng dùng vào việc đá gà; 890.000 đồng thu giữ của Phạm Đ Trung dùng vào việc đá gà;

- Đối với số tiền 5.920.000 đồng thu của Phạm Minh Đ1; số tiền 1.820.000 đồng thu giữ của Lê Văn P; số tiền 1.830.000 đồng thu giữ của Hồ Thanh P. Đây là tiền cá nhân không dùng vào việc đá gà nên trả lại cho các đối tượng trên.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng của Võ Tấn T giao nộp khi đến cơ quan điều tra đầu thú

- Trả lại: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu hồng của Lê Văn P; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của Phan Quốc Th; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu xám của Hồ Thanh P; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh của Phạm Đ Trung do không dùng vào việc phạm tội;

Đối với số tiền 2.000.000 đồng của Trịnh Hữu N dùng để cá cược, N đã tiêu xài hết nên buộc bị cáo N nộp lại sung ngân sách Nhà Nước.

Các bị cáo Đ, Đ1, T, T, P, Th, N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Bị cáo Phạm Minh Đ1 vừa phẫu thuật cột sống và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 điều 290 Bộ luật tố tụng Hình sự xét xử vắng mặt bị cáo Đ1 là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai nhận tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với vật chứng của vụ án, với bản kết luận điều tra của công an huyện Hóc Môn, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn và đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Minh Đ1 đã sử dụng bãi đất trống thuộc ấp 4, xã A, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh để tổ chức đánh bạc bằng hình thức đá gà ăn thua bằng tiền và thu tiền xâu 5% trên số tiền cá cược của bên thắng cược. Trong ngày 23/10/2021 Đ và Đ1 đã tổ chức lần lượt 02 độ gà, mỗi độ dưới 10 người tham gia và chỉ có 01 độ đá gà lúc bắt quả tang có tổng số tiền dùng để đánh bạc là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Hành vi nêu trên của

bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Minh Đ1 đã phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Duy T, Võ Tấn Tài, Lê Văn P, Phan Quốc Th, Trịnh Hữu N tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền dưới hình thức đá gà do bị cáo Đ, Đ1 tổ chức. Trong đó Nguyễn Duy T tham gia lần lượt 02 độ đá gà với số tiền bị cáo dùng để đánh bạc độ thứ nhất là 3.000.000 đồng, độ thứ hai là 10.000.000 đồng; Trịnh Hữu N tham gia 01 độ gà với số tiền 2.000.000 đồng; Võ Tấn T tham gia 01 độ gà với số tiền 10.000.000 đồng; Lê Văn P, Phan Quốc Th mỗi bị cáo tham gia 01 độ gà với số tiền là 3.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Duy T, Võ Tấn T, Lê Văn P, Phan Quốc Th, Trịnh Hữu N đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử các bị cáo theo các điều luật đã viện dẫn nêu trên là đúng người, đúng tội, nên buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, góp phần làm tăng tệ nạn xã hội, ảnh hưởng đến nếp sống văn hóa của nhân dân và tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Trong vụ án này, cả 7 bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng vì tư lợi, lười lao động mà các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo Đ, Đ1 tuy không trực tiếp tham gia cá cược nhưng đã đứng ra tổ chức, cấp độ, làm trọng tài cho các con bạc đá gà ăn tiền để thu tiền xâu cá cược. Đối với các bị cáo T, P, Th, Tài, N trực tiếp tham gia cá cược ăn thua bằng tiền. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà các bị cáo đã gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Cả 06 bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Minh Đ1, Võ Tấn T, Lê Văn P, Phan Quốc Th, Trịnh Hữu N không chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Riêng bị cáo Nguyễn Duy T bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Minh Đ1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đ, bị cáo Đ1 có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Đ còn bị bệnh tim đang phải điều trị, bị cáo Đ1 mới phẫu thuật cột sống, mất khả năng vận động (có bệnh án); các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo đã từng bị tạm giam tạm giữ hơn 05 (năm) tháng tại nhà tạm giữ

công an huyện Hóc Môn nên cũng nhận thấy được lỗi làm của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo Đ, bị cáo Đ1 được hưởng án treo và giao cho địa phương quản lý, giáo dục là phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Duy T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là phù hợp.

Bị cáo Võ Tấn T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “người phạm tội đầu thú” theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Văn P được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo còn là lao động chính trong gia đình nên áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là phù hợp.

Các bị cáo Phan Quốc Th, Trịnh Hữu N được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo T, T, P, Th, N có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian cấm đi khỏi nơi cư trú, các bị cáo đều chấp hành tốt quy định tại địa phương, riêng bị cáo Nguyễn Duy T cũng đã từng bị tạm giam tạm giữ hơn 02 tháng nên cũng đã nhận thấy được lỗi làm của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự phạt cải tạo không giam giữ các bị cáo T, T, P, Th, N là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 cặp cựa sắt dài khoảng 7cm thu giữ của Nguyễn Văn Đ, 01 cặp cựa sắt dài 5cm của Võ Tấn T; 02 cặp cựa sắt dài khoảng 6cm thu giữ của Nguyễn Duy T;

+ 01 tấm nhựa trong suốt hình chữ nhật có kích thước (54x70)cm;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 cái cân đồng hồ hiệu Nhon Hòa màu xanh loại 5kg; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen thu giữ của Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia E5 màu trắng của Phạm Minh Đ1 do dùng vào việc liên hệ cấp độ đá gà;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 16.540.000 đồng bao gồm: 2.450.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn Đ và 1.200.000 đồng thu giữ của Phạm Minh Đ1 là tiền xấu được chia từ việc tổ chức đá gà trước đó; 11.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Duy T trong đó có 9.000.000 đồng của T dùng vào việc đá gà và 2.000.000 đồng của một đối tượng không rõ lai lịch đưa cho T nhưng chưa

trả cho bên thắng độ; 1.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thanh Tùng dùng vào việc đá gà; 890.000 đồng thu giữ của Phạm Đ Trung dùng vào việc đá gà;

- Trả lại số tiền 5.920.000 đồng thu của Phạm Minh Đ1; trả lại số tiền 1.820.000 đồng thu giữ của Lê Văn P; trả lại số tiền 1.830.000 đồng thu giữ của Hồ Thanh Phương do đây là tiền cá nhân, không dùng vào việc đá gà.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng của Võ Tấn T giao nộp khi đến cơ quan điều tra đầu thú;

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu hồng của Lê Văn P; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của Phan Quốc Th; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu xám của Hồ Thanh P; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh của Phạm Đ Trung do không dùng vào việc phạm tội;

Đối với số tiền 2.000.000 đồng của Trịnh Hữu N dùng để cá cược, N đã tiêu xài hết nên buộc bị cáo N nộp lại sung ngân sách Nhà Nước.

[8] Đối với Lý Quốc Anh hiện không có mặt tại địa phương nên chưa lấy lời khai làm rõ hành vi cùng với Nguyễn Văn Đ, Phạm Minh Đ1 tổ chức đá gà ăn tiền, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau.

[9] Đối với Nguyễn Thanh S, Hồ Thanh P có hành vi ôm gà đến trường gà và ôm gà cho Nguyễn Duy T và Võ Tấn T băng cựa; S và P không biết T và T đá gà ăn tiền cũng không tham gia cá cược nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tụ tập nhiều người nơi công cộng gây mất trật tự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với Nguyễn Thanh Tùng, Lương Văn Tiền, Phạm Đ Trung tham gia cá cược với những đối tượng chưa xác định lai lịch, tuy nhiên số tiền đánh bạc chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc nên Hội đồng xét xử không xem xét

[11] Đối với Nguyễn Thanh Phong, Lương Văn Lẹ, Huỳnh Tấn Phong, Lê Văn Tới, có hành vi tụ tập xem đá gà gây mất an ninh trật tự nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét

[12] Đối với đối tượng tên B: Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Minh Đ1;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy T;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Tấn T;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn P;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Quốc Th;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Hữu N;

- Áp dụng Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Minh Đ1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T, Võ Tấn T, Lê Văn P, Phan Quốc Th, Trịnh Hữu N phạm tội “Đánh bạc”.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Xử phạt bị cáo Phạm Minh Đ1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Minh Đ1 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố C nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 23/10/2020 đến ngày 19/01/2021 là 02 (hai) tháng 26 (hai mươi sáu) ngày, được quy đổi thành 258 ngày cải tạo không giam giữ.

6. Xử phạt bị cáo Võ Tấn T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ trước đó từ ngày 22/12/2020 đến ngày 30/12/2020 là 08 (tám) ngày, được quy đổi thành 24 ngày cải tạo không giam giữ.

7. Xử phạt bị cáo Lê Văn P 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

8. Xử phạt bị cáo Phan Quốc Th 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

9. Xử phạt bị cáo Trịnh Hữu N 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Duy T, Võ Tấn T, Lê Văn P cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Tp. C để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Duy T, Võ Tấn T, Lê Văn P có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Tp. C trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Nguyễn Duy T, Võ Tấn T, Lê Văn P.

Giao bị cáo Phan Quốc Th cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Phan Quốc Th có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện B, Thành phố C trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Phan Quốc Th.

Giao bị cáo Trịnh Hữu N cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện B, Thành phố C để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Trịnh Hữu N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã I, huyện B, Thành phố C trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Trịnh Hữu N.

Trong thời gian chấp hành án, các bị cáo Nguyễn Duy T, Võ Tấn T, Lê Văn P, Phan Quốc Th, Trịnh Hữu N phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập là 10% để sung quỹ Nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Trường hợp các bị cáo Nguyễn Duy T, Võ Tấn T, Lê Văn P, Phan Quốc Th, Trịnh Hữu N không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động cộng dồn không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Các bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

10. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 cặp cửa sắt dài khoảng 7cm thu giữ của Nguyễn Văn Đ, 01 cặp cửa sắt dài 5cm của Võ Tấn T; 02 cặp cửa sắt dài khoảng 6cm thu giữ của Nguyễn Duy T;

+ 01 tấm nhựa trong suốt hình chữ nhật có kích thước (54x70)cm;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 cái cân đồng hồ hiệu Nhơn Hòa màu xanh loại 5kg; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen thu giữ của

Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia E5 màu trắng của Phạm Minh Đ1 do dùng vào việc liên hệ cấp độ đá gà.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 16.540.000 đồng bao gồm: 2.450.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn Đ và 1.200.000 đồng thu giữ của Phạm Minh Đ1 là tiền xấu được chia từ việc tổ chức đá gà trước đó; 11.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Duy T trong đó có 9.000.000 đồng của T dùng vào việc đá gà và 2.000.000 đồng của một đối tượng không rõ lai lịch đưa cho T nhưng chưa trả cho bên thắng độ; 1.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thanh T dùng vào việc đá gà; 890.000 đồng thu giữ của Phạm Đ Trung dùng vào việc đá gà;

- Trả lại số tiền 5.920.000 đồng thu của Phạm Minh Đ1; trả lại số tiền 1.820.000 đồng thu giữ của Lê Văn P; trả lại số tiền 1.830.000 đồng thu giữ của Hồ Thanh P do đây là tiền cá nhân, không dùng vào việc đá gà;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng của Võ Tấn T giao nộp khi đến cơ quan điều tra đầu thú;

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu hồng của Lê Văn P; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của Phan Quốc Th; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu xám của Hồ Thanh P; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh của Phạm Đ Trung do không dùng vào việc phạm tội;

Đối với số tiền 2.000.000 đồng của Trịnh Hữu N dùng để cá cược, N đã tiêu xài hết nên buộc bị cáo N nộp lại sung ngân sách Nhà Nước.

(Vật chứng của vụ án hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng thuộc Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn theo Quyết định chuyển vật chứng số 57/QĐ-VKS-HS ngày 05/4/2021, Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/4/2021)

11. Án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phạm Minh Đ1, Nguyễn Duy T, Võ Tấn T, Lê Văn P, Phan Quốc Th, Trịnh Hữu N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

12. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an H. HM;
- Cơ quan điều tra Công an H. HM;
- Chi cục THADS H.HM;
- UBND xã A, huyện B, TP.C;
- UBND Thị trấn H, huyện B, TP.C;
- UBND xã I, huyện B, TP.C;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Linh